TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2024/HS-ST
Ngày: 11-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc Ngân

Bà Trần Thị Hồng Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố BH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 137/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Cổ Thành H, sinh năm: 1991 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: 128/38, tổ 4, khu phố 3, phường QV, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: lớp 01/12; Con ông Cổ Thành L và bà Nguyễn Thị Th; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, có vợ là Lê Ngọc M (sinh năm 1992), có 02 con sinh năm 2015 và 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/11/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố BH xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án 635/2008/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/12/2023, chuyển tạm giam theo lệnh số 76/LTG ngày 26/12/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH. Đến ngày 29/02/2024 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Số 20/6, khu phố 2, phường BL, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Đặng Thị Thu Y**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 174/14/20, khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà **Nguyễn Thị Thanh H1**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số 13/3, tổ 3, khu phố 1, phường TB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà **Nguyễn Thị Trâm A**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số 232/71, khu phố 2, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà **Đoàn Thị U**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số C1/9, khu phố 6, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà **Ngô Thị Tuyết Ng**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 14, khu phố 5, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, bà Trâm A có mặt, bà T, bà Y, bà H1, bà U, bà Ng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cổ Thành H là người không có nghề nghiệp. Từ đầu năm 2023, H bắt đầu hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính trên địa bàn thành phố BH. Để thực hiện việc cho vay, H bỏ ra số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) làm vốn và đi đến các khu vực chợ có nhiều người buôn bán để tìm kiếm người vay. H cho vay tiền bằng hình thức thu tiền lãi hằng ngày với lãi suất 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng)/1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 ngày, tương đương với lãi suất 90%/tháng (tuy nhiên cũng có một số trường hợp H thỏa thuận tính tiền lãi thấp hơn).

Từ tháng 4/2023 đến ngày 16/12/2023, Cổ Thành H đã cho nhiều người trên địa bàn thành thành phố BH vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH xác định Cổ Thành H đã thu lợi bất chính của 06 người vay tiền là bà Nguyễn Thị Th T, bà Đặng Thị Thu Y, bà Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị Trâm A, bà Đoàn Thị U, bà Ngô Thị Tuyết Ng trong 15 lần cho vay, cụ thể như sau:

- Ngày 15/6/2023, H cho **bà Nguyễn Thị Th T**, ngụ tại số 20/6, khu phố 2, phường BL, thành phố BH vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với lãi suất 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)/01 ngày (tương đương lãi suất 90%/tháng). Khoản vay này bà T trả tiền lãi được 184 (Một trăm tám mươi bốn) ngày với tổng số tiền 27.600.000 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) thì H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH bắt giữ nên bà T vẫn còn nợ H 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 184 ngày là 512.072 đồng (Năm trăm mười hai nghìn không trăm bảy mươi hai đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là

27.087.928 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

- Từ ngày 28/4/2023 đến ngày 15/6/2023, H cho **bà Đặng Thị Thu Y,** ngụ tại số 174/14/20, khu phố 3, phường TD, thành phố BH vay 04 lần, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 28/4/2023, H cho bà Y vay 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) với lãi suất 390.000 đồng (Ba trăm chín mươi nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 90%/tháng). Khoản vay này bà Y trả tiền lãi đến ngày 15/5/2023 được 17 (Mười bảy) ngày với tổng số tiền 6.630.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) thì bà Y trả được 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền gốc và còn nợ lại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền gốc, vì vậy H chuyển 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) bà Y còn nợ thành khoản vay mới. Trong lần vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 17 ngày là 123.012 đồng (Một trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười hai đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 6.506.988 đồng (Sáu triệu năm trăm lẻ sáu nghìn chín trăm tám mươi tám đồng).

+ Lần 02: Ngày 15/5/2023, H chuyển 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền gốc bà Y còn nợ của lần vay 01 thành khoản vay mới với lãi suất 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 90%/tháng). Khoản vay này bà Y trả tiền lãi đến ngày 29/5/2023 được 14 (Mười bốn) ngày với tổng số tiền 1.260.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) và chưa trả tiền gốc thì bà Y vay thêm 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) nên H chuyển thành khoản vay mới với số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 14 ngày là 23.380 đồng (Hai mươi ba nghìn ba trăm tám mươi đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 1.236.620 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi đồng).

+ Lần 03: Ngày 29/5/2023, H cho bà Y vay 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và cộng dồn với 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền gốc bà Y còn nợ của lần vay 02 thành khoản vay 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) với lãi suất 270.000 đồng (Hai trăm bảy mươi nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 90%/tháng). Khoản vay này bà Y trả tiền lãi đến ngày 15/6/2023 được 17 (Mười bảy) ngày với tổng số tiền 4.590.000 đồng (Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) và chưa trả tiền gốc thì bà Y vay thêm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên H chuyển thành khoản vay mới với tổng số tiền là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 17 ngày là 85.170 đồng (Tám mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 4.504.830 đồng (Bốn triệu năm trăm lẻ bốn nghìn tám trăm ba mươi đồng).

+ Lần 04: Ngày 15/6/2023, H cho bà Y vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và cộng dồn với 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tiền gốc bà Y còn nợ của lần vay 03 thành khoản vay 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) với lãi suất 420.000 đồng (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 90%/tháng). Khoản vay này bà Y trả tiền lãi được 109 (Một trăm lẻ chín) ngày với tổng số tiền 45.780.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn

đồng) thì H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH bắt giữ nên bà Y vẫn còn nợ H 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tiền gốc. Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 109 ngày là 849.437 đồng (Tám trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 44.930.563 đồng (Bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng).

H đã thu lợi bất chính của bà Y trong 04 lần vay là 57.179.001 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi chín nghìn không trăm lẻ một đồng).

- Từ ngày 15/8/2023 đến ngày 01/12/2023, H cho **bà Nguyễn Thị Thanh H1,** ngụ tại số 13/3, tổ 3, khu phố 1, phường TB, thành phố BH vay 05 lần, cụ thể như sau:

+ Lần 01: Ngày 28/4/2023, H cho bà H1 vay 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) với lãi suất 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 75%/tháng). Khoản vay này bà H1 trả tiền lãi đến ngày 25/8/2023 được 11 (Mười một) ngày với tổng số tiền 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và chưa trả tiền gốc thì bà H1 vay thêm 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) nên H đã chuyển thành khoản vay mới với tổng số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 11 ngày là 36.740 đồng (Ba mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 1.613.260 đồng (Một triệu sáu trăm mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

+ Lần 02: Ngày 25/8/2023, H cho bà H1 vay 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và cộng dồn với 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền gốc bà H1 còn nợ của lần vay 01 thành khoản vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với lãi suất 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 75%/tháng). Khoản vay này bà H1 trả tiền lãi đến ngày 24/9/2023 được 29 (Hai mươi chín) ngày với tổng số tiền 7.250.000 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) thì bà H1 vay thêm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên H đã chuyển thành khoản vay mới với tổng số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 29 ngày là 161.414 đồng (Một trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm mười bốn đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 7.088.586 đồng (Bảy triệu không trăm tám mươi tám nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng).

+ Lần 03: Ngày 24/9/2023, H cho bà H1 vay 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và cộng dồn với 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền gốc bà H1 còn nợ của lần vay 02 thành khoản vay 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) với lãi suất 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 75%/tháng). Khoản vay này bà H1 trả tiền lãi đến ngày 21/11/2023 được 58 (Năm mươi tám) ngày với tổng số tiền 17.400.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) và chưa trả tiền gốc thì bà H1 xin H giảm tiền lãi xuống còn 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)/ngày nên H đồng ý và tính thành khoản vay mới. Số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 29 ngày là 387.440 đồng (Ba trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là

17.012.560 đồng (Mười bảy triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

+ Lần 04: Ngày 21/11/2023, H chuyển 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tiền gốc bà H1 còn nợ của lần vay 03 thành khoản vay mới với lãi suất 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 50%/tháng). Khoản vay này bà H1 trả tiền lãi đến ngày 01/12/2023 được 10 (Mười) ngày với tổng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và chưa trả tiền gốc thì bà H1 xin H giảm tiền lãi xuống còn 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)/ngày nên H đồng ý và tính thành khoản vay mới. Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 10 ngày là 66.800 đồng (Sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 1.933.200 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng).

+ Lần 05: Ngày 01/12/2023, H chuyển 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tiền gốc bà H1 còn nợ của lần vay 04 thành khoản vay mới với lãi suất 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 37,5%/tháng). Khoản vay này bà H1 trả tiền lãi được 15 (Mười lăm) ngày với tổng số tiền 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) thì H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH bắt giữ nên bà H1 vẫn còn nợ H 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tiền gốc. Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 15 ngày là 100.200 đồng (Một trăm nghìn hai trăm đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 2.149.800 đồng (Hai triệu một trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm đồng).

H đã thu lợi bất chính của bà H1 trong 05 lần vay là 29.797.406 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng).

- Ngày 01/6/2023, H cho **bà Nguyễn Thị Trâm A,** ngụ tại số 232/71, khu phố 2, phường TD, thành phố BH vay 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) với lãi suất 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng)/ ngày, (tương đương với lãi suất 90%/ tháng). Khoản vay này bà Anh trả tiền lãi được 199 (Một trăm chín mươi chín) ngày với tổng số tiền 17.910.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm mười nghìn đồng) thì H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH bắt giữ nên bà A vẫn còn nợ H 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền gốc. Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 199 ngày là 332.330 đồng (Ba trăm ba mươi hai nghìn ba trăm ba mươi đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 17.577.670 đồng (Mười bảy triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

- Từ ngày 15/8/2023 đến ngày 22/8/2023, H cho **bà Đoàn Thị U** ngụ tại số C1/9, khu phố 6, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai vay 02 lần, cụ thể như sau:

+ Lần 01: Ngày 15/8/2023, H cho bà U vay 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) với lãi suất 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 90%/tháng). Khoản vay này bà U trả tiền lãi đến ngày 22/8/2023 được 07 (Bảy) ngày với tổng số tiền 840.000 đồng (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng) và chưa trả tiền gốc thì bà U vay thêm 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nên H đã chuyển thành khoản vay mới. Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức

1,67%/tháng mà H được hưởng trong 07 ngày là 15.582 đồng (Mười lăm nghìn năm trăm tám mươi hai đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 824.418 đồng (Tám trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm mười tám đồng).

+ Lần 02: Ngày 22/8/2023, H cho bà U vay 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và cộng dồn với 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền gốc bà U còn nợ của lần vay 01 thành khoản vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với lãi suất 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 90%/tháng). Khoản vay này bà U trả tiền lãi được 111 (Một trăm mười một) ngày với tổng số tiền 16.650.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) thì H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH bắt giữ nên bà U vẫn còn nợ H 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền gốc. Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 111 ngày là 308.913 đồng (Ba trăm lẻ tám nghìn chín trăm mười ba đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 16.341.087 đồng (Mười sáu triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm tám mươi bảy đồng).

H đã thu lợi bất chính của bà U trong 02 lần vay là 17.165.505 đồng (Mười bảy triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm lẻ năm đồng).

- Từ ngày 15/7/2023 đến ngày 24/9/2023, H cho **bà Ngô Thị Tuyết Ng,** ngụ tại số 14, khu phố 5, phường TD, thành phố BH vay 02 lần, cụ thể như sau:

+ Lần 01: Ngày 15/7/2023, H cho bà Ng vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với lãi suất 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 90%/tháng). Khoản vay này bà Ng trả tiền lãi đến ngày 13/8/2023 được 71 (Bảy mươi mốt) ngày với tổng số tiền 10.650.000 đồng (Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và chưa trả tiền gốc thì bà Ng vay thêm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên H đã chuyển thành khoản vay mới. Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 71 ngày là 197.593 đồng (Một trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi ba đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 10.452.407 đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm lẻ bảy đồng).

+ Lần 02: Ngày 24/9/2023, H cho bà Ng vay 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và cộng dồn với 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền gốc bà Ng còn nợ của lần vay 01 thành khoản vay 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) với lãi suất 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)/ngày (tương đương lãi suất 85,71%/tháng). Khoản vay này bà Ng trả tiền lãi được 49 (Bốn mươi chín) ngày với tổng số tiền 9.800.000 đồng (Chín triệu tám trăm nghìn đồng) thì H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH bắt giữ nên bà Ng vẫn còn nợ H 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) tiền gốc. Trong khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 49 ngày là 190.904 đồng (Một trăm chín mươi nghìn chín trăm lẻ bốn đồng), số tiền đã thu lợi bất chính là 9.609.096 đồng (Chín triệu sáu trăm lẻ chín nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

H đã thu lợi bất chính của bà Ng trong 02 lần vay là 20.061.503 đồng (Hai mươi triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm lẻ ba đồng).

Khoảng 21 giờ 00 ngày 16/12/2023, H điều khiển xe mô tô biển số: 60F4-238.79 đến dãy phòng trọ tại tổ 19. Khu phố 3, phường BL, Tp. BH để thu tiền lãi của bà Nguyễn Thị Th Thủy thì bị Tổ công tác của Đội Cảnh sát kinh tế Công an Tp. BH phối hợp với Công an phường BL phát hiện và lập hồ sơ điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra đã xác định Cổ Thành H đã cho 06 người vay tiền trong 15 lần cho vay với lãi suất 37,5%/tháng đến 90%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính là 168.869.013 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn không trăm mười ba đồng). Số tiền trên H tiếp tục làm vốn đề cho vay và tiêu xài thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH bắt giữ.

Vật chứng vụ án gồm:

01 (Một) xe mô tô hiệu Vision, biển số: 60F4-238.79, số máy JK03 E2538662, số khung RLHJK0315NY534283 và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI: 354845092871953 là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội.

Tại Cáo trạng số 153/CT-VKSBH ngày 11 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH đã truy tố bị cáo Cổ Thành H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo Cổ Thành H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Về hình phạt:

Đề nghị xử phạt bị cáo Cổ Thành H từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố BH tuyên:

- Buộc bị cáo Cổ Thành H nộp lại số tiền 3.390.987 đồng (Ba triệu ba trăm chín mươi nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (Một) xe mô tô hiệu Vision, biển số: 60F4-238.79, số máy JK03E2538662, số khung RLHJK0315NY534283 và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI: 354845092871953 của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội;

- Buộc bà Nguyễn Thị Th T phải nộp lại 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Đặng Thị Thu Y phải nộp lại 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải nộp lại 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Nguyễn Thị Trâm A phải nộp lại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Đoàn Thị U phải nộp lại 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Ngô Thị Tuyết Ng phải nộp lại 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Th T 27.087.928 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi tám đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà T.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Đặng Thị Thu Y 57.179.001 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi chín nghìn không trăm lẻ một đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà Y.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 29.797.406 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà H1.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Trâm A 17.577.670 đồng (Mười bảy triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà A.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Đoàn Thị U 17.165.505 đồng (Mười bảy triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm lẻ năm đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà U.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Ngô Thị Tuyết Ng 20.061.503 đồng (Hai mươi triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm lẻ ba đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà Ng.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo H: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố BH, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, bà Y, bà H1, bà U, bà Ng tại phiên toà. Trong giai đoạn điều tra bà T, bà Y, bà H1, bà U, bà Ng đã có lời khai và có đơn bãi nại cho bị cáo. Do vậy, việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Cổ Thành H có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, không có sự mâu thuẫn; phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở xác định:

[2.1] Từ tháng 4/2023 đến ngày 16/12/2023, Cổ Thành H đã sử dụng số tiền vốn là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho nhiều người trên địa bàn thành phố BH vay tiền bằng hình thức thu tiền lãi hằng ngày với lãi suất 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng)/1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 ngày, tương đương với lãi suất 90%/tháng, đã vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính. Cổ Thành H đã thực hiện hành vi cho 06 người vay tiền trong 15 lần cho vay và thu lợi bất chính là 168.869.013 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn không trăm mười ba đồng). Tổng số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội của H là 3.390.987 đồng (Ba triệu ba trăm chín mươi nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng). Tổng số tiền của những người vay chưa trả cho H là 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng). Cổ Thành H là người trực tiếp quản lý nguồn tiền vay, cho vay và thu tiền trả từ những người vay.

[2.2] Hành vi của bị cáo Cổ Thành H đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH truy tố bị cáo theo tội danh và khoản, Điều nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để cho

vay tiền với lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định để thu lợi bất chính. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì lợi nhuận nên đã bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo bị cáo đã có thời gian bị tạm giam hơn 02 tháng, bị cáo là người mắc bệnh suy giảm miễn dịch (nhiễm HIV) giai đoạn III cần được khám bệnh và uống thuốc định kỳ. Do đó hội đồng xét xử xem xét áp dụng Hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là cũng đã đủ giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H đã tự nguyện nộp khoản tiền thu lợi bất chính để khắc phục một phần hậu quả, trong quá trình điều tra và xét xử vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra bị cáo là người mắc bệnh suy giảm miễn dịch (nhiễm HIV) giai đoạn III; Vợ bị cáo cũng bị mắc bệnh suy giảm miễn dịch (nhiễm HIV), bị cáo là lao động chính trong gia đình; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng đã có đơn bãi nại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo Điều 32 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Cổ Thành H nộp lại số tiền 3.390.987 đồng (Ba triệu ba trăm chín mươi nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước, khoản tiền này bị cáo H đã nộp tại biên lai thu số 0002685 ngày 26/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BH.

- Buộc bà Nguyễn Thị Th T phải nộp lại 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Đặng Thị Thu Y phải nộp lại 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải nộp lại 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Nguyễn Thị Trâm A phải nộp lại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Đoàn Thị U phải nộp lại 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Ngô Thị Tuyết Ng phải nộp lại 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Th T 27.087.928 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi tám đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà T.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Đặng Thị Thu Y 57.179.001 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi chín nghìn không trăm lẻ một đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà Y.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 29.797.406 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà H1.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Trâm A 17.577.670 đồng (Mười bảy triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà A.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Đoàn Thị U 17.165.505 đồng (Mười bảy triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm lẻ năm đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà U.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Ngô Thị Tuyết Ng 20.061.503 đồng (Hai mươi triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm lẻ ba đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà Ng.

[9] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (Một) xe mô tô hiệu Vision, biển số: 60F4-238.79, số máy JK03E2538662, số khung RLHJK0315NY534283 và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI: 354845092871953 của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội;

[10] Về vấn đề khác: Ngoài 06 người vay tiền nêu trên, trong quá trình điều tra bị cáo Cổ Thành H khai nhận còn cho một số người khác vay tiền với lãi suất cao nhưng hiện nay chưa xác minh và làm việc được với những người này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH sẽ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

[11] Về án phí: Bị cáo Cổ Thành H phải chịu án phí án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về các vấn đề trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 35; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Cổ Thành H.

Tuyên bố bị cáo **Cổ Thành H** phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Cổ Thành H số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Buộc bà Nguyễn Thị Th T phải nộp lại 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Đặng Thị Thu Y phải nộp lại 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải nộp lại 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Nguyễn Thị Trâm A phải nộp lại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Đoàn Thị U phải nộp lại 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Ngô Thị Tuyết Ng phải nộp lại 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) là phương tiện của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Th T 27.087.928 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi tám đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà T.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Đặng Thị Thu Y 57.179.001 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi chín nghìn không trăm lẻ một đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà Y.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 29.797.406 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà H1.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Trâm A 17.577.670 đồng (Mười bảy triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà A.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Đoàn Thị U 17.165.505 đồng (Mười bảy triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm lẻ năm đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà U.

- Buộc bị cáo Cổ Thành H phải trả lại cho bà Ngô Thị Tuyết Ng 20.061.503 đồng (Hai mươi triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm lẻ ba đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của bà Ng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì bị cáo còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (Một) xe mô tô hiệu Vision, biển số: 60F4-238.79, số máy JK03E2538662, số khung RLHJK0315NY534283 và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI: 354845092871953 của bị cáo Cổ Thành H sử dụng vào việc phạm tội;

Vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BH theo Quyết định chuyển vật chứng số 3147/QĐ-VKSBH-HS ngày 11/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, Biên bản việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Cổ Thành H phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, bà Nguyễn Thị Trâm A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND thành phố BH;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- CQCS điều tra Công an TP BH;
- Chi cục THADS thành phố BH;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhàn

ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Ngọc Lê Thị Ngọc Ngân Nguyễn Thị Nhàn